

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Mỹ Liên.
2. Ông Nguyễn Văn An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia Phiên tòa: Ông Phạm Phú Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn Phiên tòa số: 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn P, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp AB, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp AB, xã AT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-02-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có hai con chung tên Trần Y Ph, sinh ngày 19-3-1995 và Trần Hồng Y, sinh ngày 05-4-2007. Hiện cháu Ph đã trưởng thành, cháu Y đang sống chung với ông. Về tài sản chung và nợ chung:

Không có. Quá trình chung sống bà G ham mê cờ bạc không chăm sóc gia đình, gây nợ ông phải trả nợ, ông đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng bà G không thay đổi. Đến tháng 01 năm 2018 ông có nộp đơn ly hôn bà G tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, sau đó ông rút đơn để cho bà G cơ hội nhưng bà G không thay đổi. Hiện ông và bà G không còn sống chung với nhau, bà G thuê nhà trọ bên ngoài để sống.

Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên ông yêu cầu được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị G. Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Hồng Y, sinh ngày 05-4-2007 không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Y Ph, sinh ngày 19-3-1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 05-6-2018 bị đơn bà Nguyễn Thị G xác định lời trình bày của ông P về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, quá trình chung sống bà có ham mê cờ bạc gây nợ, ông P phải trả nợ là đúng.

Nay ông P yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì bà còn thương chồng, giữa bà và ông P không có mâu thuẫn. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho ly hôn, bà đồng ý để ông P tiếp tục nuôi con chung tên Trần Hồng Y, sinh ngày 05-4-2007, bà không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trần Y Ph, sinh ngày 19-3-1995 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, gây khó khăn trong việc giải quyết vụ án làm vụ án kéo dài.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn P đối với bà Nguyễn Thị G. Về con chung: giao ông P tiếp tục chăm sóc, giáo dục cháu Y, bà G không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông P không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không đến theo giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay ông P xin ly hôn bà G với lý do bà G ham mê cờ bạc, gây nợ và không chăm sóc gia đình. Bà G thừa nhận và cam kết không chơi cờ bạc nhưng ông P không đồng ý.

Xét thấy: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “*vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Thực tế, quá trình chung sống với ông P, bà G ham chơi cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Với lý do trên ông P đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, sau đó rút đơn để cho bà G cơ hội thay đổi nhưng bà G không thay đổi, tiếp tục cờ bạc ông P phải trả nợ cho bà G 100.000.000 đồng đến tháng 3 năm 2018, ông P và bà G không còn chung sống với nhau nữa. Từ khi ly thân vợ chồng không gặp nhau bàn việc đoàn tụ. Cho thấy bà G đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân của ông P và bà G, lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P đối với bà G là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Ông P và bà G có hai con chung: Cháu Trần Y Ph, sinh ngày 19-3-1995 đã trưởng thành nên không đạt ra giải quyết. Cháu Trần Hồng Y, sinh ngày 05-4-2007, hiện nay ông P đang nuôi dưỡng. Ông P có yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Y, không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con. Tại các biên bản làm việc bà G xác định trường hợp Tòa án cho ly hôn thì về con chung bà đồng ý để ông P tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, bà G không phải cấp dưỡng nuôi con. Qua làm việc cháu Y cũng có nguyện vọng muốn sống với ông P.

Để đảm bảo cho sự phát triển tâm sinh lý bình thường của cháu Y, cần giao cháu Y cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] *Về án phí*: Ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn P đối với bà Nguyễn Thị G. Ông Trần Văn P được ly hôn đối với bà Nguyễn Thị G.

2. Về con chung: Cháu Trần Y Ph, sinh ngày 19-3-1995 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao cháu Trần Hồng Y, sinh ngày 05-4-2007 cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận ông P không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Bà G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Trần Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009761 ngày 14-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; ông P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKS ND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hiệp